

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 03 năm 2016

HƯỚNG DẪN

Trình tự, hồ sơ thực hiện chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện nội dung Văn bản số 250/UBND-NLN ngày 30/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện như sau:

PHẦN I

QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này hướng dẫn về trình tự, thủ tục thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020.

b. Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp được thành lập và đăng ký hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được nhận ưu đãi hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Lĩnh vực, điều kiện hỗ trợ và nguyên tắc áp dụng: Theo nội dung Mục 3, 4 Điều 1 Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Một số quy định chung

3.1. Diện tích trồng chè của dự án là diện tích liền vùng, liền khoảnh (có năng suất dưới 7 tấn/ha, quy mô tối thiểu 30 ha) được nhà nước giao, cho thuê hoặc diện

tích đất do doanh nghiệp liên kết với tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoặc diện tích do doanh nghiệp thuê của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3.2. Diện tích liền vùng, liền khoảnh quy mô tối thiểu 30 ha là tổng diện tích các lô, thửa được trồng mới, trồng lại trong vùng nguyên liệu có từ 30 ha trở lên.

3.3. Ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ diện tích trồng mới, trồng lại cây chè đối với diện tích đất thực hiện dự án trong địa giới hành chính của tỉnh Tuyên Quang.

3.4. Thời gian được hưởng ưu đãi hỗ trợ từ ngày dự án hoàn thành và đi vào hoạt động trong giai đoạn 2016-2020. Dự án đã thực hiện trước ngày Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND có hiệu lực thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ cho thời gian còn lại của dự án tính từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

3.5. Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư, sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu thì được thanh toán 100% kinh phí được hỗ trợ. Riêng dự án trồng mới, trồng lại cây chè được nghiệm thu theo năm tiến độ thực hiện dự án và được thanh toán kinh phí hỗ trợ khi dự án hoàn thành.

3.6. Lao động tại địa phương là lao động có đăng ký thường trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3.7. Giống chè mới có năng suất, chất lượng cao theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.8. Đất thực hiện dự án được hỗ trợ gồm: Đất của doanh nghiệp được Nhà nước giao, cho thuê; đất của các hộ dân được Nhà nước giao, cho thuê góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đất đai.

3.9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án được thực hiện theo quy định tại Luật Đầu tư hiện hành.

4. Cơ chế, nguồn vốn hỗ trợ đầu tư: Theo nội dung Mục 5 Điều 1 Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

PHẦN II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

1. Đăng ký dự án hỗ trợ

- Hồ sơ đăng ký hỗ trợ: Doanh nghiệp gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư 01 Bản đăng ký đề nghị hỗ trợ dự án để thẩm định nguồn vốn theo quy định (mẫu đăng ký theo Mẫu số 01-ĐK của Hướng dẫn này).

✱

- Thời gian đăng ký thực hiện dự án hỗ trợ: Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm. Đối với các dự án đề nghị hỗ trợ trong năm 2016 không phải thực hiện đăng ký hỗ trợ. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ trên cơ sở đề nghị của các doanh nghiệp thực hiện trong năm 2016.

2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư

2.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Doanh nghiệp nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó 01 bộ hồ sơ gốc, 07 bộ hồ sơ phô tô có đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp) theo đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, thành phần 01 bộ hồ sơ gồm:

a. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao).

b. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (bản sao), đối với các dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo Luật Đầu tư và theo quy định của Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND của HĐND tỉnh thì doanh nghiệp nộp Quyết định phê duyệt dự án của doanh nghiệp (bản sao), kèm theo báo cáo tình hình và kết quả thực hiện dự án từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm đề nghị hỗ trợ đầu tư (đối với dự án đầu tư đã triển khai).

c. Bản đề nghị hỗ trợ đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (theo Mẫu số 02-ĐN của Hướng dẫn này) trong đó giải trình rõ lý do và cách tính cụ thể chi tiết các khoản kiến nghị hỗ trợ đầu tư.

d. Các tài liệu liên quan khác: Thuyết minh dự án đầu tư. Tài liệu chứng minh việc sử dụng 30% lao động tại phương. Hợp đồng xây lắp, mua sắm máy móc thiết bị (nếu có). Đối với dự án trồng mới, trồng lại cây chè, doanh nghiệp nộp kèm theo báo cáo về tình hình thực hiện liên kết vùng nguyên liệu, diện tích, số lượng hợp đồng ký với hộ trồng chè.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin ghi trong hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ đầu tư.

2.2. Thời gian nộp hồ sơ: Theo thời gian Doanh nghiệp đã đăng ký thực hiện dự án hỗ trợ.

3. Thẩm định, trình cấp quyết định hỗ trợ đầu tư

a. Sau khi doanh nghiệp nộp đủ hồ sơ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Sở ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi thực hiện dự án. Trường hợp

cần thiết thì mời các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị liên quan họp thẩm định.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

b. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, các cơ quan nêu tại Khoản a theo chức năng nhiệm vụ có ý kiến thẩm tra bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình.

c. Nội dung thẩm tra

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Dự án đầu tư đáp ứng các điều kiện được hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Rà soát các hỗ trợ đầu tư mà doanh nghiệp đề nghị quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d. Trong thời hạn 05 ngày làm việc từ ngày hết thời hạn nhận ý kiến của các cơ quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hỗ trợ đầu tư cho dự án.

Trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp thẩm tra trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với dự án không đủ điều kiện theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản trả lời nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết.

4. Nghiệm thu dự án hoàn thành

4.1. Cơ quan chủ trì nghiệm thu: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì nghiệm thu dự án. Tùy theo từng dự án, cơ quan chủ trì nghiệm thu mời các sở, ngành, đơn vị liên quan tham gia nghiệm thu.

4.2. Thời gian nghiệm thu:

a. Dự án trồng mới, trồng lại cây chè thực hiện nghiệm thu theo tiến độ mỗi năm 01 lần sau khi kết thúc thời vụ trồng.

b. Dự án chăn nuôi gia súc (trâu, bò thịt, lợn thịt); dự án giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; dự án chế biến cam: Nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

4.3. Hồ sơ nghiệm thu: Doanh nghiệp nộp 03 bộ hồ sơ cho cơ quan chủ trì nghiệm thu, thành phần 01 bộ hồ sơ gồm:

- a. Văn bản đề nghị của doanh nghiệp (theo Mẫu số 03-NT của Hướng dẫn này).
- b. Quyết định hỗ trợ đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (bản sao).
- c. Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán của doanh nghiệp.

d. Hợp đồng mua bán hàng hóa, máy móc (trường hợp mua bán hàng hóa); hợp đồng liên kết nguyên liệu của doanh nghiệp với hộ trồng chè (theo Mẫu số 04-HĐ của Hướng dẫn này).

đ. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, chứng nhận chất lượng hàng hóa (nếu là hàng hóa nhập khẩu).

- e. Tài liệu quyết toán dự án hoàn thành của doanh nghiệp.

4.4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chủ trì nghiệm thu) có trách nhiệm mời các Sở, ngành, liên quan, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi thực hiện dự án và người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tiến hành nghiệm thu dự án.

4.5. Nội dung nghiệm thu: Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng hoàn thành; kiểm tra thực tế việc thực hiện dự án theo các quy định tại Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4.6. Cơ quan chủ trì nghiệm thu lập biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành có chữ ký của đại diện các thành phần tham gia nghiệm thu; cơ quan chủ trì nghiệm thu giữ 01 bản, doanh nghiệp giữ 02 bản làm căn cứ pháp lý thanh toán, giải ngân khoản hỗ trợ (biên bản nghiệm thu theo Mẫu số 05-NT của Hướng dẫn này).

4.7. Căn cứ biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành, Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị thanh toán, quyết toán các khoản hỗ trợ đến Sở Tài chính để được hỗ trợ theo quy định.

5. Thẩm định, cấp kinh phí hỗ trợ

5.1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ: Sau khi nghiệm thu dự án hoàn thành. Dự án trồng mới, trồng lại cây chè được nghiệm thu theo năm tiến độ thực hiện dự án và nộp hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ khi kết thúc dự án.

5.2. Hồ sơ đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ:

a) Công văn đề nghị cấp kinh phí hỗ trợ của doanh nghiệp (theo Mẫu số 06-KP của Hướng dẫn này).

b) Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án cho doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (Bản sao);

c) Biên bản nghiệm thu dự án hoàn thành (theo Mẫu số 05-KP của Hướng dẫn này).

5.3. Thẩm định kinh phí hỗ trợ: Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính thẩm định, kiểm soát hồ sơ chứng từ của từng khoản chi, bảo đảm các điều kiện thanh toán chi trả ngân sách theo quy định, có biên bản thẩm tra hồ sơ quyết toán theo quy định hiện hành của Nhà nước. Căn cứ biên bản và quyết toán kinh phí hỗ trợ sau đầu tư, Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt kinh phí hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp.

Căn cứ quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ của UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp lệnh chi tiền gửi Kho bạc nhà nước để chi trả tiền hỗ trợ cho doanh nghiệp.

PHẦN III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Kiểm tra, hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Thường xuyên theo dõi, tổng hợp, định kỳ 6 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả thực hiện chính sách và hướng dẫn này.

- Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của các doanh nghiệp vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp; chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan nghiệm thu dự án hoàn thành đầu tư khi có văn bản đề nghị của doanh nghiệp.

- Chủ trì tổng hợp và phối hợp với các ngành liên quan giải quyết những vướng mắc và đề nghị sửa đổi những nội dung không phù hợp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, thời gian.

- Phối hợp nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư. Ban hành hướng dẫn về giống, kỹ thuật chăm sóc cây chè, chăn nuôi gia súc (trâu, bò thịt, lợn thịt) trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền.

3. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, đề xuất kế hoạch kinh phí hỗ trợ của các doanh nghiệp vào dự toán ngân sách tỉnh hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì thẩm định hồ sơ hỗ trợ sau đầu tư, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định. Theo dõi việc sử dụng kinh phí hỗ trợ, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành kinh phí hỗ trợ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

4. Các sở Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

- Hướng dẫn và thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường, khoa học - công nghệ theo quy định.

6. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đúng tiến độ, thời gian; phối hợp thực hiện nghiệm thu khi dự án hoàn thành đầu tư.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn quản lý. Giải quyết vướng mắc liên quan đến hợp đồng liên kết nguyên liệu theo thẩm quyền tại địa bàn quản lý.

7. Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hội doanh nghiệp trẻ

- Tuyên truyền, triển khai cơ chế, chính sách đến các hội viên.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành liên quan triển khai, thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2016-2020.

✶

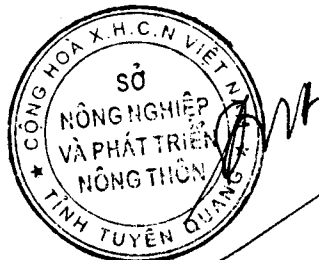
Trong quá trình thực hiện có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị có liên quan kịp thời báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Tài chính để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC**



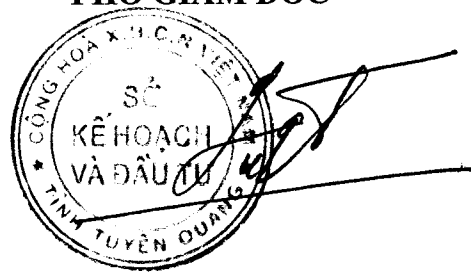
Hoàng Văn Nhân

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Nông

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Lương

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: KH và ĐT; NN&PTNT, Tài chính, KH và CN, Xây dựng; TNMT;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Hội doanh nghiệp trẻ;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Lưu: VT.

MẪU SỐ 01-ĐK

(Kèm theo Hướng dẫn số: 261 /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày 31 / 03 /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-DN

Tuyên Quang, ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐĂNG KÝ

THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2015/NQ-HĐND NGÀY 22/12/2015 CỦA HĐND TỈNH

Kính gửi:

Doanh nghiệp (tên doanh nghiệp).....

Loại hình doanh nghiệp (Theo Luật Doanh nghiệp).....

Ngành nghề kinh doanh.....

Trụ sở chính.....

Điện thoại (cố định, di động).....Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số..... do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Đăng ký thực hiện dự án hỗ trợ với nội dung sau:

1. Tên dự án:.....

2. Lĩnh vực đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện dự án:.....

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:.....

5. Tổng vốn đầu tư của dự án:.....

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

7. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:....., trong đó lao động địa phương.....người, chiếm.....%.

8. Tiến độ thực hiện Dự án dự kiến:.....

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn (ha).....

10. Thời hạn hoạt động của dự án (năm).....

II. Kiến nghị được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh:

- Hỗ trợ đầu tư: Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ....., (Bằng chữ.....) trong đó:

1. Nội dung hỗ trợ.....số tiền.....

2. Nội dung hỗ trợ.....số tiền.....

.....

III. Cách tính khoản đề nghị hỗ trợ:

.....

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư:

1. Về tính chính xác của những thông tin trên.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 02-ĐN

(Kèm theo Hướng dẫn số: 261 /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày 31 / 03 /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐN-DN

Tuyên Quang, ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐỀ NGHỊ

HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2015/NQ-HĐND NGÀY 22/12/2015 CỦA HĐND TỈNH

Kính gửi:

Doanh nghiệp (Tên doanh nghiệp).....

Loại hình doanh nghiệp (Theo Luật Doanh nghiệp).....

Ngành nghề kinh doanh.....

Trụ sở chính.....

Điện thoại (cố định, di động).....Fax.....

Giấy chứng nhận Đăng Ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số..... do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Thông tin chung về dự án đề nghị hỗ trợ:

1. Tên dự án:.....

2. Lĩnh vực đầu tư:.....

3. Địa điểm thực hiện dự án:.....

4. Mục tiêu và quy mô của dự án:.....

5. Tổng vốn đầu tư của dự án:.....

6. Diện tích đất dự kiến sử dụng:.....

7. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:....., trong đó lao động địa phương.....người, chiếm.....%.

8. Tiến độ thực hiện dự án dự kiến (ghi rõ năm, giai đoạn):.....

9. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn:....ha.....

10. Thời gian hoạt động của dự án (năm).....

II. Kiến nghị được hưởng hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh:

- Hỗ trợ đầu tư: Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ....., trong đó:

1. Nội dung hỗ trợ.....số tiền.....

2. Nội dung hỗ trợ.....số tiền.....(Ghi bằng chữ).....

.....

III. Cách tính khoản đề nghị hỗ trợ:

.....

IV. Doanh nghiệp cam kết: Nội dung hồ sơ đề nghị hỗ trợ đầu tư:

1. Về tính chính xác của những thông tin trên.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật hiện hành.

(Tài liệu kèm theo gồm:.....)

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 03-NT

(Kèm theo Hướng dẫn số: 264 /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày 31 / 03 /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/NT-DN

Tuyên Quang, ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐỀ NGHỊ

NGHIỆM THU DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2015/NQ-HĐND NGÀY 22/12/2015 CỦA HĐND TỈNH

Kính gửi:
Doanh nghiệp (Tên doanh nghiệp).....
Trụ sở chính.....
Điện thoại (cố định, di động).....Fax.....
Giấy chứng nhận Đăng Ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư/ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định hỗ trợ đầu tư số.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Thông tin chung về dự án được cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư:

1. Tên dự án:.....
2. Lĩnh vực đầu tư:.....
3. Địa điểm thực hiện dự án:.....
4. Tổng vốn đầu tư của dự án:.....
5. Diện tích đất sử dụng:.....
6. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:....., trong đó lao động địa phương.....người, chiếm.....%.
7. Tiến độ thực hiện Dự án:.....
8. Vùng nguyên liệu hiện có trên địa bàn:.....ha.....
9. Thời gian hoạt động của dự án (năm).....

II. Đề nghị được nghiệm thu dự án hỗ trợ theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh:

- Các hạng mục đã hoàn thành:.....Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ.....(Ghi bằng chữ)....., trong đó:

1. Hạng mục 1số tiền.....

- Cách tính các khoản hỗ trợ đã nghiệm thu:.....

(Tài liệu kèm theo gồm:.....)

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

✍

MẪU SỐ 04-HĐ

(Kèm theo Hướng dẫn số: **261** /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày **31** / **03** /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
LIÊN KẾT TRỒNG CHÈ VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM
Số:...../HĐ-DN

(Trường hợp đất của hộ gia đình được nhà nước giao đất, cho thuê đất)

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2005;

Căn cứ

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm ..., tại thôn xã....., huyện....., tỉnh.....

BÊN A: ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Địa chỉ:

Điện thoại (cố định, di động).....Fax.....

Mã số thuế:

Do Ông:

CMTND số: cấp ngày .../.../..... tại

Chức vụ:Làm đại diện.

(Giấy ủy quyền số /UQ- ngày / /201 của Giám đốc Công ty nếu ủy quyền)

BÊN B: ĐẠI DIỆN HỘ GIA ĐÌNH

1. Ông (bà):- Là:Chủ Hợp đồng

CMTND số: cấp ngày .../.../..... tại

Địa chỉ:

Điện thoại:

2. Ông (bà):- Là:Người thừa kế

CMTND số: cấp ngày .../.../..... tại

Địa chỉ: Thôn, xã, huyện, tỉnh Tuyên Quang.

Hai bên thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng, theo các điều khoản sau:

Điều 1: Điều khoản chung:

Bên A nhận liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chè cho bên B; Bên B nhận liên kết sản xuất và bán toàn bộ sản phẩm chè cho bên A.

Các thông tin về đất trồng chè:

- Diện tích:.....
- Người được cấp GCNQSD đất:
- Số Giấy CNQSD đất:
- Địa chỉ lô đất:.....
- Thời gian trồng chè:.....
- Thời gian đưa lên kinh doanh:
- Thời gian thực hiện hợp đồng bắt đầu từ năm... đến năm...

Điều 2: Trách nhiệm, quyền lợi của hai bên:

1. Bên A:

- Cung cấp giống chè cho bên B.
- Hỗ trợ đầu tư, phân bón, kỹ thuật chăm sóc, thu hái chè.
- Mua lại toàn bộ sản phẩm chè búp tươi do Bên B làm ra trên diện tích ký hợp đồng, thanh toán tiền mua chè theo tháng.
- Hỗ trợ cho Bên B theo đúng Nghị quyết số 41/2015/NQ-HDND.

2. Bên B:

- Tổ chức trồng, chăm sóc chè theo tiêu chuẩn, kỹ thuật của Bên A hướng dẫn.
- Trồng giống chè do Bên A cung cấp và theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Bán toàn bộ sản phẩm chè búp tươi trên diện tích ký hợp đồng cho Bên A.
- Được Bên A hỗ trợ đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HDND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh.

Điều 3: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ghi ở trong hợp đồng, nếu bên nào không thực hiện đúng, không đầy đủ hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng gây thiệt hại kinh tế cho bên kia thì phải bồi thường theo Bộ Luật Dân sự và quy định hiện hành của Nhà nước.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ và tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
Ông (Bà)
Có sổ hộ khẩu số:...../HK-ĐKTT cấp ngày...../
...../..... hiện đang thường trú tại địa phương,
có GCNQSD đất số.....,do.....cấp
trong đó có diện tích.....lô.....khoảnh.....ký hợp
đồng với doanh nghiệp..... UBND xã có trách nhiệm
phối hợp đôn đốc thực hiện hợp đồng.

TM. UBND xã.....
(Ghi rõ chức danh, ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

MẪU SỐ 05-BB

(Kèm theo Hướng dẫn số: 261 /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày 31 / 03 /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Nghiệm thu hoàn thành Dự án.....

I. Thời gian, địa điểm, thành phần:

1. Thời gian: Hôm nay vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....
2. Địa điểm:
3. Thành phần:
 - a. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - b. Sở Nông nghiệp và PTNT: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - c. Sở Tài chính: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - d. Sở Xây dựng: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - đ. Sở Tài nguyên và MT: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - e. Sở Khoa học và CN: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - f. Sở Công Thương: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - g. UBND huyện.....: Ông/bà.....Chức vụ.....
 - h. Doanh nghiệp.....: Ông/bà.....Chức vụ.....

II. Nội dung nghiệm thu:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

*** Ý kiến của các ngành:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....

*** Liên ngành thống nhất:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồigiờ.....phút cùng ngày, biên bản được thống nhất thông qua, các thành phần tham dự nghiệm thu ký tên làm căn cứ để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

SỞ TÀI CHÍNH

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

SỞ CÔNG THƯƠNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MT

SỞ XÂY DỰNG

SỞ KHOA HỌC VÀ CN

UBND HUYỆN

DOANH NGHIỆP

MẪU SỐ 06-KP

(Kèm theo Hướng dẫn số: 261 /HDLN-KH&ĐT-TC-NN&PTNT ngày 31 / 03 /2016 của Liên ngành Sở Kế hoạch và Đầu tư – Sở Tài Chính – Sở Nông nghiệp và PTNT)

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/KP-DN

Tuyên Quang, ngày..... tháng..... năm.....

BẢN ĐỀ NGHỊ

**CẤP KINH PHÍ HỖ TRỢ DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN THEO
NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2015/NQ-HĐND NGÀY 22/12/2015 CỦA HĐND TỈNH**

Kính gửi:
Doanh nghiệp (Tên doanh nghiệp).....
Trụ sở chính.....
Điện thoại (cố định, di động).....Fax.....
Giấy chứng nhận Đăng Ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đầu tư/ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/ Quyết định hỗ trợ đầu tư số..... do..... cấp ngày.....tháng.....năm.....

I. Thông tin chung về dự án được cấp Quyết định hỗ trợ đầu tư:

1. Tên dự án:.....
2. Lĩnh vực đầu tư:.....
3. Địa điểm thực hiện dự án:.....
4. Tổng vốn đầu tư của dự án:.....
5. Diện tích đất sử dụng:.....
6. Số lao động dự án sử dụng bình quân trong năm:....., trong đó lao động địa phương.....người, chiếm.....%.
7. Tiến độ thực hiện Dự án:.....
8. Vùng nguyên liệu hiện có (ha).....
9. Thời gian hoạt động của dự án (năm).....

II. Đề nghị cấp kinh phí dự hỗ trợ theo Nghị quyết số 41/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của HĐND tỉnh:

- Các hàng mục đã nghiệm thu.....
 - Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ.....(Ghi bằng chữ).....
 - Cách tính các khoản hỗ trợ:.....
- (Tài liệu kèm theo gồm:.....)

Nơi nhận:

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

✍